

Số: 1764/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Khu xử lý chất thải rắn tại Khe Nác, xã Gia Phố, huyện Hương Khê

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của UBND tỉnh quy định một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng công trình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Khu xử lý chất thải rắn tại Khe Nác, xã Gia Phố, huyện Hương Khê;

Thực hiện Văn bản số 2669/UBND-XD₁ ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án đầu tư Khu xử lý chất thải rắn huyện Hương Khê;

Xét đề nghị của UBND huyện Hương Khê tại Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 31/5/2018; Ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 288/SXD-KTQH ngày 31/5/2018; Báo cáo thẩm định và đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 406/TTr-SKHĐT ngày 06/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Khu xử lý chất thải rắn tại Khe Nác, xã Gia Phố, huyện Hương Khê. Cụ thể như sau:



1. Điều chỉnh tên dự án tại Khoản 1 Điều 1: “1. Tên dự án: Khu xử lý chất thải rắn tại huyện Hương Khê.”

2. Điều chỉnh địa điểm xây dựng tại Khoản 2 Điều 1: “2. Địa điểm xây dựng: Xã Hương Thủy, huyện Hương Khê.”

3. Bổ sung mục tiêu đầu tư tại Khoản 7 Điều 1: “7. Mục tiêu đầu tư: Cải thiện điều kiện vệ sinh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải rắn gây ra, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho Nhân dân trên địa bàn thị trấn Hương Khê và các xã: Phú Phong, Hương Xuân, Hương Vĩnh, Phú Gia, Hương Long, Hương Bình, Gia Phố, Hương Thủy.”

4. Điều chỉnh nội dung và quy mô đầu tư tại Khoản 8 Điều 1:

“8. Nội dung và quy mô đầu tư:

8.1. Nhà điều hành

- Giải pháp kiến trúc: Công trình 1 tầng với tổng diện tích sàn $84m^2$. Chiều cao công trình là 6,3m tính từ cốt sân hoàn thiện, cốt nền cao hơn cốt sân hoàn thiện là 0,6m. Tầng 1 cao 3,6m; mái cao 2,1m. Mặt bằng công trình bố trí các phòng chức năng dọc theo hành lang trước rộng 1,8m.

- Giải pháp kết cấu:

+ Kết cấu móng: Phần móng sử dụng móng đơn bê tông cốt thép mác 200.

+ Kết cấu phần thân: Phần thân sử dụng hệ khung cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 200.

8.2. Nhà phân loại và đặt lò đốt

- Giải pháp kiến trúc: Công trình công nghiệp 1 tầng với tổng diện tích sàn $1.168 m^2$. Chiều cao công trình là 8,0m tính từ cốt sân hoàn thiện, cốt nền cao hơn cốt sân hoàn thiện là 0,2m.

- Giải pháp kết cấu:

+ Kết cấu móng: Phần móng sử dụng móng đơn bê tông cốt thép mác 250.

+ Kết cấu phần thân: Phần thân sử dụng hệ cột, giằng bê tông cốt thép mác 250. Dầm mái sử dụng hệ thống tổ hợp CCT34.

8.3. Nhà trực:

- Giải pháp kiến trúc: Công trình 1 tầng với tổng diện tích sàn $14m^2$. Chiều cao công trình là 4,7m tính từ cốt sân hoàn thiện, cốt nền cao hơn cốt sân hoàn thiện là 0,3m. Tầng 1 cao 3,0m; mái cao 1,4m.

- Giải pháp kết cấu:

+ Kết cấu móng: Phần móng sử dụng móng đơn bê tông cốt thép mác 200 kết hợp móng xây đá hộc dưới tường.

+ Kết cấu phần thân: Phần thân sử dụng cột, dầm và se nô bê tông cốt thép mác 200.

8.4. Trạm cân: Trạm cân có diện tích xây dựng $50m^2$; kết cấu bê tông cốt thép mác 200.

8.5. San nền: Cao độ san nền phân mặt bằng khu xử lý không chế từ 41,0m đến 41,2m. Hướng dốc san nền từ Nam xuống Bắc.

8.6. Hồ chôn lấp tro xỉ: Tổng diện tích 1.800,0m², bao gồm 04 ngăn. Kết cấu của hồ chôn lấp tro xỉ:

- Thành ô chôn lấp từ trên xuống dưới gồm: Màng địa kỹ thuật chống thấm trên lớp đất tự nhiên.

- Đáy ô chôn lấp từ trên xuống dưới gồm: Lớp đất đầm chặt; Màng địa kỹ thuật chống thấm; Lớp đất tự nhiên đầm chặt.

- Tường ngăn bằng đá học, có mặt cắt dạng hình thang.

8.7. Hồ xử lý nước thải: Hồ xử lý có tổng diện tích mặt trên hồ 308m²; mặt cắt ngang hồ hình thang và được ngăn với nhau bởi các tường ngăn. Hồ có mái taluy m=1,0, kết cấu thành xây đá học. Đáy hồ bằng bê tông mác 200. Tường ngăn bằng đá học, có mặt cắt dạng hình thang vuông.

8.8. Cổng, hàng rào

- Cổng chính rộng 9,0 m; trụ cổng cao 2,8m, tiết diện 0,7x0,7m; kết cấu trụ cổng bằng bê tông cốt thép mác 200, xây bao hoàn thiện bằng gạch đặc.

- Hàng rào bao quanh khu xử lý: Hàng rào dài được chia thành 02 loại kết cấu hàng rào xây gạch và hàng rào thép gai.

8.9. Bể chứa nước: Bể chứa nước được dùng cho cấp nước sinh hoạt và chữa cháy có thể tích là 10m³. Kết cấu bể sử dụng bê tông cốt thép mác 200#.

8.10. Hạng mục phụ trợ khác: Hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; sân đường nội bộ; Hệ thống cây xanh cách ly và một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác.

8.11. Phần thiết bị: Mua sắm trang thiết bị đường dây 35KV; trạm biến áp; trạm cân; lò đốt rác; máy bơm nước.”

5. Điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư tại Khoản 9 Điều 1:

“9. Tổng mức đầu tư: 23.317.222.000 đồng,

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 11.071.573.000 đồng.

- Chi phí thiết bị: 4.008.205.000 đồng.

- Chi phí quản lý dự án: 357.473.000 đồng.

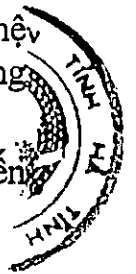
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.339.311.000 đồng.

- Chi phí khác: 1.168.923.000 đồng.

- Chi phí bồi thường, GPMB: 3.300.000.000 đồng.

- Chi phí dự phòng: 2.071.737.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ, ba trăm mười bảy triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn đồng.



6. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án tại Khoản 12 Điều 1: “12. Thời gian thực hiện dự án: Hoàn thành trong năm 2019.”

7. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hương Khê (Chủ đầu tư); Chủ tịch UBND xã Hương Thủy và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

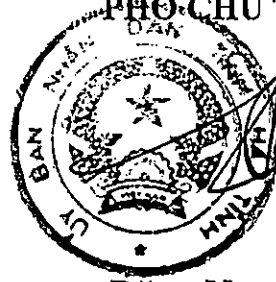
Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PVP UBND tỉnh phụ trách;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, XD₁.

(10)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Sơn